

Štartová listina

č.	T	Meno	FideID	FED	Elo	pohlavie	Typ	Gr
1		Lê, Phan Hoàng Quân	12432881	VIE	1988		U10	
2	ACM	Bùi, Quang Huy	12431265	VIE	1888		U12	
3		Ngô, Minh Hằng	12426768	VIE	1716	w		x
4	AFM	Phan, Hoàng Bách	12450626	VIE	1704		U12	x
5		Vương, Tuấn Khoa	12445312	VIE	1686		U10	x
6		Phạm, Gia Tường	12454060	VIE	1617			x
7		Lê, Huy Bằng	12460044	VIE	1585		U10	
8		Nguyễn, Đỗ Phú Trọng	12468517	VIE	1561			x
9	ACM	Nguyễn, Trung Quân	12445479	VIE	1558		U12	x
10		Trần, Thiện Phúc	12432784	VIE	1558			
11		Võ, Nguyễn Thiên Ân	12436305	VIE	1535		U10	x
12		Nguyễn, Việt Dũng	12431680	VIE	1533		U12	
13		Huỳnh, Thiên Ân	12471682	VIE	1531		U08	x
14		Nguyễn, Thiên Ngân	12447854	VIE	1512	w	U10	
15		Nguyễn, Quang Phúc	12449253	VIE	1489		U10	
16		Nguyễn, Châu Hạo Thiên	12447269	VIE	1479		U10	
17		Lê, Nguyễn Minh Hoàng	12450111	VIE	1428		U08	x
18		Nguyễn, Minh Khôi	12481262	VIE	1426		U08	x
19	AFM	Vũ, Hạo Nhiên	12460796	VIE	0		U06	
20		Huỳnh, Thanh Trúc	12471275	VIE	0	w	U08	x
21		Lê, Nguyễn Minh Nghĩa	12476447	VIE	0		U10	x
22		Nguyễn, Phạm Lam Thư	12442658	VIE	0	w	U08	
23		Vũ, Antoni Trung Hiếu	12458260	VIE	0		U10	x
24		Vũ, Eden Trung Đức	12458279	VIE	0		U08	x

Hľadaj všetky podrobnosti turnaja pod <http://chess-results.com/tnr1131685.aspx?lan=4>

Chess-Tournament-Results-Servers: Chess-Results